

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025”;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030”;

- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt

Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 của tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kiến trúc ICT phát triển địa phương thông minh tỉnh Bình Phước;

- Quyết định 2241/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng Địa phương thông minh tại tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Xây dựng Chính quyền điện tử với nền hành chính hiện đại; bảo đảm chất lượng, hiệu lực, hiệu quả và tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; nâng cao vị trí xếp hạng của tỉnh Bình Phước.

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đẩy nhanh xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tới mọi người, mọi lúc, mọi nơi.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của Bình Phước.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong nội bộ cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục duy trì 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử, hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh có thể gửi, nhận văn bản điện tử với Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương thông nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu LGSP.

- Tiếp tục duy trì 100% văn bản phát hành qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành được ứng dụng chữ ký số.

- Duy trì tối thiểu 90% hồ sơ công việc của sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các, huyện, thị xã, thành phố và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Tiếp tục duy trì 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc, hệ thống thư điện tử của tỉnh đảm bảo cung cấp hộp thư điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức sử dụng và đáp ứng yêu cầu về bảo mật, an toàn thông tin.

- Đảm bảo hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng ổn định, an toàn, bảo mật thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính. Tiếp tục duy trì đảm bảo 100% cơ quan khối Đảng và hành chính nhà nước của tỉnh kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Xây dựng và hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; đảm bảo kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- 70% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được cập nhật qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đảm bảo các chỉ tiêu báo cáo kinh tế xã hội được cập nhật qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy trong các cuộc họp, duy trì tối thiểu 90% các cuộc họp thông qua Hệ thống họp không giấy Ecabinet.

- Duy trì tối thiểu 90% các cuộc họp giữa cấp tỉnh với cấp huyện và cấp xã thực hiện trực tuyến; 70% các cuộc họp giữa các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố diện rộng đến cấp xã thực hiện trực tuyến.

#### b) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Duy trì tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đạt 100%.

- Duy trì tích hợp 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Duy trì 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận và xử lý thông qua Cổng dịch vụ công và hệ thống phần mềm một cửa.

- Từng bước phấn đấu hoàn thiện, duy trì 95% dịch vụ công trực tuyến, mức độ 3, 4, trong đó tối thiểu 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp.

- 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục duy trì 100% Cổng Thông tin điện tử các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- 90% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số xác thực trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính.

- 100% dịch vụ công mức độ 4 có giải pháp xác thực điện tử tập trung.

- 70% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia hiện có theo quy định.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh thực hiện cung cấp dữ liệu mở theo quy định.

c) Bảo đảm an toàn thông tin:

- + Tối thiểu 70% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- + Tối thiểu 90% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.

- + 100% tỷ lệ người đứng đầu của các đơn vị, tổ chức nhà nước (trực thuộc cơ quan) được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin;

- + 100% cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị tham gia diễn tập, ứng cứu, khắc phục sự cố.

### **III. NHIỆM VỤ**

#### **1. Hoàn thiện môi trường pháp lý**

- Kịp thời xây dựng và ban hành các văn bản, cơ chế, chính sách để phát triển ứng dụng CNTT, chính quyền điện tử, chính quyền số, bảo đảm an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được Trung ương giao; sửa đổi, bổ sung các quy chế không còn phù hợp với các quy định mới.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các nội dung về an toàn thông tin theo hướng quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với tổ chức, cá nhân; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Kiện toàn Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời nắm bắt tình hình triển khai ứng dụng CNTT tại các đơn vị, chủ động phối hợp hoặc đề xuất các Bộ, ngành liên quan phối hợp giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

#### **2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật**

- Thuê hạ tầng CNTT và cloud để tận dụng nguồn lực từ các doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, hiệu quả hơn. Các đơn vị cung cấp dịch vụ là những đơn vị có uy tín, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, chất lượng dịch vụ tốt đảm bảo hoạt động của hệ thống là ổn định cao, duy trì thường xuyên, liên tục, thời gian gián đoạn là ngắn nhất...

- Tiếp tục duy trì thuê mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước, bằng thông đảm bảo đáp ứng cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh như: Cổng Dịch vụ công, phần mềm một cửa điện tử, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hội nghị truyền hình trực tuyến, họp không giấy và các ứng dụng chuyên ngành

### **3. Phát triển các hệ thống nền tảng**

Phát triển Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của toàn tỉnh; kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông); Đảm bảo giám sát toàn bộ các thiết bị người dùng truy cập vào hệ thống dùng chung của tỉnh.

### **4. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ**

4.1. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

- Bảo đảm các ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước triển khai thông nhất, đồng bộ, liên thông theo Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia:

+ Tiếp tục thuê, vận hành ổn định, khai thác hiệu quả các phần mềm dùng chung trên địa bàn tỉnh như: Cổng thông tin điện tử, hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống một cửa điện tử; hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước; Thuê chuyên gia đánh giá an toàn an ninh thông tin mạng; Duy trì Hệ thống phần mềm họp không giấy trên địa bàn tỉnh.

+ Duy trì hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Tăng cường ứng dụng chữ ký số trong cơ quan Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu gửi nhận văn bản điện tử và tích hợp vào các hệ thống thông tin giao dịch giữa các cơ quan Nhà nước với nhau, với doanh nghiệp và người dân được xác thực, nhanh chóng và an toàn.

4.2. Phát triển ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tiếp tục duy trì hoạt động, khai thác có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, liên thông tích hợp và chia sẻ với các phần mềm chuyên ngành.

- Tập trung triển khai dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến.

- Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động (App) phục vụ tương tác giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền; ứng dụng Zalo trong cải cách hành chính công...

## **5. Bảo đảm an toàn thông tin**

Triển khai các nội dung nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động của cơ quan nhà nước trong đó bao gồm các nội dung:

- Rà soát, cập nhật Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp (*Kiến toàn lực lượng tại chỗ; lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia*) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Duy trì và phát huy hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Rà soát hiện trạng, thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Nguồn vốn đầu tư công dự kiến năm 2022: 101.399.875.000 đồng (*Một trăm lẻ một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

(Đính kèm Phụ lục I)

- Nguồn vốn sự nghiệp dự kiến năm 2022: 9.307.629.407 đồng (*Chín tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, bốn trăm lẻ bảy đồng*).

(Đính kèm Phụ lục II)

- Nguồn vốn Sự nghiệp Khoa học công nghệ dự kiến năm 2022: 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*).

(Đính kèm Phụ lục III).

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu xây dựng, điều chỉnh bổ sung cơ chế chính sách đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, thay thế, bổ sung các văn bản liên quan đến công tác quản lý, điều hành chính quyền điện tử.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ báo cáo kết quả tổ chức thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh và kịp thời tổng hợp, báo cáo những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư đối với các dự án CNTT có sử dụng vốn đầu tư công.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các dự án CNTT theo hình thức đối tác công tư theo quy định.

- Có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và giám sát đánh giá các dự án CNTT sử dụng vốn đầu tư công.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác đấu thầu thực hiện các dự án theo quy định.

## **3. Sở Tài chính**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý thực hiện dự án, đồng thời thực hiện quyết toán theo quy định.

## **4. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp, kiện toàn Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh.

## **5. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Rà soát, cập nhật bộ thủ tục hành chính (tinh giản, đơn giản hóa) mẫu đơn, tờ khai để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị đã sử dụng phần mềm chuyên ngành khác kết nối vào Cổng thông tin điện tử tỉnh để liên thông, chia sẻ dữ liệu, minh bạch thông tin.

- Theo phân cấp ngân sách và tình hình thực tế tại đơn vị để ưu tiên bố trí kinh phí duy trì, sửa chữa, nâng cấp hoặc trang bị mới các trang thiết bị CNTT, phần mềm cần thiết cho hoạt động của đơn vị và phù hợp với khung kiến trúc ICT chung của tỉnh, đảm bảo kết nối liên thông các cấp.

- Định kỳ hằng quý báo cáo tình hình ứng dụng CNTT của cơ quan, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

## **6. Các đơn vị thụ hưởng**

Phối hợp với chủ đầu tư:

- Khảo sát và xây dựng dự án phù hợp với nhu cầu của cơ quan, đơn vị mình quản lý, đồng thời đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của người dân.

- Định kỳ sáu tháng và hằng năm, báo cáo tình hình triển khai thực hiện các dự án đã được phê duyệt, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này; các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban quốc gia về CPĐT;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX, TD9.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**



**Phụ lục I**

**Danh mục dự án năm 2022 sử dụng nguồn vốn đầu tư công**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2022*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: đồng*

<b>STT</b>	<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022</b>	<b>KINH PHÍ</b>
<b>I</b>	<b>Tổng các dự án đầu tư công năm 2022</b>	<b>98.652.000.000</b>
1	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu	20.743.000.000
2	Xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh cấp huyện (08 huyện, thị xã: Lộc Ninh, Hớn Quản, Chơn Thành, Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Phú Riềng)	39.992.000.000
3	Triển khai thí điểm các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, từ đó phát triển nhân rộng trong địa bàn tỉnh Bình Phước	7.650.000.000
4	Nâng cấp, phát triển Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của toàn tỉnh	2.000.000.000
5	Nâng cấp, bổ sung các điểm cầu Hội nghị trực tuyến	6.700.000.000
6	Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động chính quyền, hướng tới chuyển đổi số	21.567.000.000
<b>II</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>2.747.875.000</b>
	<b>TỔNG CỘNG I+II</b>	<b>101.399.875.000</b>

**Phụ lục II****Danh mục dự án thuê năm 2022 sử dụng nguồn sự nghiệp**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

<b>STT</b>	<b>TÊN DỰ ÁN</b>	<b>KINH PHÍ</b>
1	Thuê phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành (Khôi nhà nước và Khôi Đảng)	452.020.000
2	Duy trì Hệ thống phần mềm họp không giấy trên địa bàn tỉnh	118.200.000
3	Thuê Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	525.396.667
4	Thuê Hệ thống thư điện tử công vụ	168.300.000
5	Thuê phần mềm một cửa điện tử từ cấp huyện đến cấp xã	140.820.000
6	Thuê hạ tầng CNTT, Cloud của các doanh nghiệp	279.730.000
7	Thuê chuyên gia đánh giá an toàn an ninh thông tin mạng	132.000.000
8	Thuê phần mềm, đường truyền một cửa điện tử từ cấp tỉnh	1.200.000.000
9	Thuê Hạ tầng, ứng dụng	-
10	Thuê cloud, tài nguyên	-
	Kinh phí các hợp đồng đã ký năm 2021	5.510.730.000
	Chi phí tư vấn	576.752.740
	Chi phí khác	203.680.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.307.629.407</b>

*Ghi chú: Chi phí tư vấn và chi phí khác đã bao gồm cho cả giai đoạn 2022-2025 theo Thông báo số 568/TB-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).*

**Phụ lục III**

**Danh mục dự án năm 2022 sử dụng nguồn vốn khoa học công nghệ**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2022*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: đồng*

<b>STT</b>	<b>TÊN DỰ ÁN</b>	<b>CHỦ ĐẦU TƯ</b>	<b>KINH PHÍ</b>
1	Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ tỉnh Bình Phước	Sở Khoa học và Công nghệ	1.500.000.000
2	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chỉ dẫn địa lý “Hạt điều Bình Phước	Sở Khoa học và Công nghệ	2.500.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>4.000.000.000</b>